TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Bà Hoàng Thị Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Quang Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q:

Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 119/2020 /TLST-HNGĐ ngày 20.02.2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T - SN: 1991
Địa chỉ : tổ A, KVB, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Bị đơn : Anh Trần L - SN: 1991
Địa chỉ : tổ A, KVB, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23.10.2019 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày :

Chị và anh L tự nguyện tìm hiểu, thời gian khoảng 1 năm sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định vào ngày 11.5.2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ, dùng lời lẽ xúc phạm nhân phẩm chị. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung nặng nề, chị xin ly hôn anh L.

Vợ chồng có 01 con chung: cháu Trần Hưng T sinh ngày 15.5.2017; sức khỏe cháu bình thường, ly hôn chị đồng ý giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu đang ở với anh L.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Trần L: không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được của anh L, xác minh tại địa phương, tống đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T về việc xin ly hôn anh Trần L; về nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung không giải quyết; án phí chị T phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T xin ly hôn anh L, còn anh L không đến Tòa làm việc trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án nhân dân thành phố Q đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, lấy lời khai của anh L nhưng anh L vắng mặt tại địa phương, xác minh tại địa phương và thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử cho anh L nhưng anh L đều không đến Tòa làm việc. Đây là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tòa xét:

Chị T và anh L kết hôn tại UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định vào ngày 11.5.2016. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng sau nhiều năm chung sống giữa hai anh chị bộc lộ nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L cờ bạc, rượu chè, về đánh đập vợ, dùng lời lẽ xúc phạm nhân phẩm chị, chị bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 10.2019 cho đến nay. Là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh chị sống ly thân một thời gian dài, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn. Mặt khác, anh L không đến Tòa hòa giải, điều đó chứng tỏ anh L không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy nghĩa vụ giữa vợ chồng anh chị đã vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng có 01 con chung: cháu Trần Hưng T sinh ngày 15.5.2017; sức khỏe cháu bình thường, ly hôn chị đồng ý giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng

Xét thấy:

Lâu nay anh L vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu T do chị T bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 10.2019 cho đến nay, nên để bảo đảm cuộc sống cũng như ổn định về mặt tâm sinh lý cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị T khai do không tranh chấp về tài sản nên không cấp dưỡng nuôi con; còn anh L không đến Tòa làm việc nên HĐXX không có cơ sở để xem xét, nếu sau này anh L có đơn yêu cầu cấp dưỡng, Tòa giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa về nội dung phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thanh T ly hôn anh Trần L

2. Về quan hệ con chung:

- Chị Trần Thị Thanh T và anh Trần L có 1 con chung: cháu Trần Hưng T sinh ngày 15.5.2017; sức khỏe cháu bình thường;

- *Về nuôi con*: Anh Trần L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: cháu Trần Hưng T

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Thanh T

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí:

- *Về án phí HNGĐ-ST*: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007575 ngày 20.02.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính tứ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự.
- VKSND thành phố Q
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Trần Đông Thiên